



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4803000042 ngày 01 tháng 09 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16 tháng 10 năm 2012 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 11.0000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2015: 11.000.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi - Thành phố Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: (84) 062 3816 118
- Fax: (84) 062 3817 595
- Website: www.stbbt.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mô siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 44 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 4 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|---------------------------|--------------|--|
| • Ông Nguyễn Văn So | Chủ tịch | Bỏ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| • Ông Nguyễn Trường Quang | Phó Chủ tịch | Bỏ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| • Ông Trần Ngọc Trang | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| • Ông Nguyễn Minh Hà | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/02/2015 |
| • Ông Nguyễn Khoa Tuyển | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/02/2015 |
| • Ông Nguyễn Văn Thành | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 12/03/2010
Miễn nhiệm ngày 07/02/2015 |
| • Ông Nguyễn Văn Hiến | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 12/03/2010
Miễn nhiệm ngày 07/02/2015 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|----------------------|------------|--|
| • Ông Bùi Đình Thiện | Trưởng ban | Bỏ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| • Ông Lê Trung Nhân | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 07/02/2015 |
| • Ông Trần Hữu Sơn | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/02/2015 |
| • Bà Lưu Thị Kim Cúc | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 19/03/2011
Miễn nhiệm ngày 07/02/2015 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn So | Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Minh Hà | Phó Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Đức Thành | Phó Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |
| • Ông Nguyễn Khoa Tuyển | Kế toán trưởng | Bỏ nhiệm lại ngày 19/04/2014 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

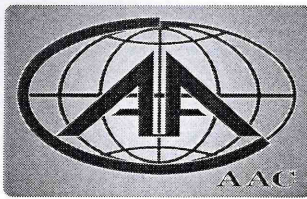
Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.



Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Văn So

Bình Thuận, ngày 10 tháng 08 năm 2015



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL**

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 824 /2015/BCSX-AAC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, được lập ngày 15/07/2015 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 30. Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến nhận xét về Báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng liệu báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính; công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến nhận xét của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi đưa ra ý kiến rằng Báo cáo tài chính đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.553.814.315	16.847.764.582
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.500.187.572	5.087.739.283
1. Tiền	111		1.500.187.572	2.087.739.283
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.950.790.871	8.748.275.968
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	9.016.021.352	4.004.874.447
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	35.718.859
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8a	911.073.890	4.740.029.890
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	184.837.082	128.794.225
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(161.141.453)	(161.141.453)
IV. Hàng tồn kho	140	11	7.102.835.872	3.011.438.350
1. Hàng tồn kho	141		7.102.835.872	3.011.438.350
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	310.981
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	310.981
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.870.346.839	1.984.568.437
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		182.099.240	203.849.996
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8b	182.099.240	203.849.996
II. Tài sản cố định	220		1.388.247.599	1.480.718.441
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.387.414.264	1.474.885.108
- Nguyên giá	222		3.611.589.736	3.611.589.736
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.224.175.472)	(2.136.704.628)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	833.335	5.833.333
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(82.166.665)	(77.166.667)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		300.000.000	300.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	300.000.000	300.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.424.161.154	18.832.333.019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	31/12/2014 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.809.944.065	5.101.070.858
I. Nợ ngắn hạn	310		6.809.944.065	5.101.070.858
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	5.372.649.450	3.095.228.185
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	252.720.758	220.047.919
3. Phải trả người lao động	314		387.740.383	692.380.426
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	44.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	7.827.580	3.481.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	672.789.650	669.513.455
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		116.216.244	376.419.873
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.614.217.089	13.731.262.161
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	13.614.217.089	13.731.262.161
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	1.536.016.760	1.536.016.760
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	965.790.318	1.082.835.390
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		92.835.390	85.885.094
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		872.954.928	996.950.296
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.424.161.154	18.832.333.019



Nguyễn Văn So

Bình Thuận, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyển

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyển

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	23.247.573.534	19.231.470.210
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	30.298.484	51.291.090
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		23.217.275.050	19.180.179.120
4. Giá vốn hàng bán	11	21	19.354.433.453	16.136.308.160
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>3.862.841.597</u>	<u>3.043.870.960</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	308.288.056	192.735.382
7. Chi phí tài chính	22	23	394.033.655	137.348.500
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		56.682.589	20.690.000
8. Chi phí bán hàng	25	24a	1.942.337.941	1.540.193.603
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24b	693.777.200	530.055.681
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>1.140.980.857</u>	<u>1.029.008.558</u>
11. Thu nhập khác	31	25	3.115.623	4.651.252
12. Chi phí khác	32	26	22.300.418	22.874.281
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(19.184.795)</u>	<u>(18.223.029)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>1.121.796.062</u>	<u>1.010.785.529</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	248.841.134	228.504.964
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>872.954.928</u>	<u>782.280.565</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	794	711
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		794	711



Nguyễn Văn So

Bình Thuận, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyên

Nguyễn Khoa Tuyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	18.972.412.318	16.685.880.444
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(22.695.891.788)	(21.411.544.800)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.779.946.818)	(1.425.252.273)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(56.682.589)	(20.690.000)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(156.539.572)	(151.377.605)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	277.658.732	289.655.268
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.259.765.516)	(858.878.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.698.755.233)	(6.892.207.918)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.145.000.000)	(90.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	4.995.706.756	389.332.213
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	247.220.571	175.648.755
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.097.927.327	474.980.968
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.658.276.195	204.306.580
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.655.000.000)	(70.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(990.000.000)	(990.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(986.723.805)	(855.693.420)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.587.551.711)	(7.272.920.370)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.087.739.283	8.149.617.870
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.500.187.572	876.697.500



Nguyễn Văn So

Bình Thuận, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4803000042 ngày 01 tháng 09 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16 tháng 10 năm 2012 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

Vốn điều lệ: 11.0000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2015: 11.000.000.000 đồng. Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị giáo dục văn phòng phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mở siêu thị, cho thuê văn phòng;
- Xây dựng nhà các loại;
- In ấn;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư vốn hoạt động tài chính (chứng khoán, cổ phần);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh đồ chơi trẻ em (Không kinh doanh các loại đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015 (bắt đầu từ ngày 01/01/2015 và kết thúc vào ngày 30/06/2015).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản cho vay là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Thời điểm ghi nhận ban đầu đối với các khoản đầu tư là thời điểm Công ty chính thức có quyền sở hữu. Cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Dự phòng

Dự phòng đối với đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho tại Nhà sách được tính theo phương pháp giá bán lẻ. Tại các Kho Công ty, hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Phương tiện vận tải	8 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	Hết khấu hao

4.6 Tài sản cố định vô hình

Các tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	3

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.8 Vay và các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ là trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%; Các mặt hàng khác như tem, nhãn, mẫu biểu, thiết bị... áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải thu về cho vay và đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015	31/12/2014
Tiền mặt	218.737.000	5.873.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.281.450.572	2.081.866.283
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
Cộng	1.500.187.572	5.087.739.283

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2015		31/12/2014	
Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng
tư vào đơn vị khác				
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	3%	30.000	300.000.000	-
g			300.000.000	-

đến thời điểm hiện nay, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty nhận đầu tư. Cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên các giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo đáng tin cậy về thị giá nên không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH Đăng Nguyên - Bà Rịa Vũng Tàu	1.077.250.445	12.213.847
Ban Quản lý dự án Đức Linh	335.054.140	695.887.280
Ban Quản lý dự án Tuy Phong	795.506.000	396.270.000
Phòng giáo dục Tánh Linh	13.251.700	523.822.200
Các đối tượng khác	6.794.959.067	2.376.681.120
Cộng	9.016.021.352	4.004.874.447

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam		
Công ty đầu tư	96.500.100	110.699.933
Cộng	96.500.100	110.699.933

8. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	3.000.000.000
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	-	1.000.000.000
Xí nghiệp chế biến gỗ Phan Thiết	-	100.000.000
Cán bộ công nhân viên (i)	911.073.890	640.029.890
Cộng	911.073.890	4.740.029.890

(i) Cho cán bộ công nhân viên vay vốn với thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất cho vay từ 8%-10%/năm.

b. Dài hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Cán bộ công nhân viên (ii)	182.099.240	203.849.996
Cộng	182.099.240	203.849.996

(ii) Cho cán bộ công nhân viên vay vốn với thời hạn từ 24 tháng đến 36 tháng, lãi suất cho vay là 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Phải thu về cho các bên liên quan vay

Mối quan hệ	30/06/2015	31/12/2014
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	3.000.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	-	1.000.000.000
Cộng	-	4.000.000.000

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu BHXH	36.347.193	-	-	-
Lãi dự thu	5.463.000	-	12.683.333	-
Tạm ứng	78.270.722	-	67.376.925	-
Kí quỹ	64.756.167	-	48.733.967	-
Cộng	184.837.082	-	128.794.225	-

10. Dự phòng phải thu khó đòi

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	161.141.453	161.141.453
Cộng	161.141.453	161.141.453

b. Nợ xấu

	30/06/2015				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Tiền phạt, lãi trả chậm chưa ghi nhận doanh thu	Ghi chú
DNTN Hoàng Hải	16.250.000	-	Trên 3 năm	-	Ngừng hoạt động.
Trường Tiểu học Gia An 3	5.032.200	-	Trên 3 năm	-	Không có khả năng thu hồi
Đỗ Đình Nam	52.832.481	-	Trên 3 năm	-	Không còn ở địa phương
Nguyễn Thị Ngọc	62.791.666	-	Trên 3 năm	-	Không còn ở địa phương
Đặng Trương Hoàng Nhụy	6.672.000	-	Trên 3 năm	-	Chuyển công tác.
Nguyễn Thị Mộng Thu	17.563.106	-	Trên 3 năm	-	Không còn ở địa phương
Cộng	161.141.453	-		-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31/12/2014					
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Tiền phạt, Lãi trả chậm chưa ghi nhận doanh thu	Ghi chú
Phải thu khách hàng					
DNTN Hoàng Hải	16.250.000	-	Trên 3 năm	-	Ngừng hoạt động.
Trường Tiểu học Gia An 3	5.032.200	-	Trên 3 năm	-	Không có khả năng thu hồi
Đỗ Đình Nam	52.832.481	-	Trên 3 năm	-	Không còn ở địa phương
Nguyễn Thị Ngọc	62.791.666	-	Trên 3 năm	-	Không còn ở địa phương
Đặng Trương Hoàng Nhụy	6.672.000	-	Trên 3 năm	-	Chuyển công tác.
Nguyễn Thị Mộng Thu	17.563.106	-	Trên 3 năm	-	Không còn ở địa phương
Cộng	161.141.453	-		-	

11. Hàng tồn kho

	30/06/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	7.102.835.872	-	3.011.438.350	-
Cộng	7.102.835.872	-	3.011.438.350	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2015.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2015.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	2.195.322.085	1.082.872.651	333.395.000	3.611.589.736
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.195.322.085	1.082.872.651	333.395.000	3.611.589.736
Khấu hao				
Số đầu kỳ	1.482.394.573	320.915.055	333.395.000	2.136.704.628
Khấu hao trong kỳ	25.513.735	61.957.109	-	87.470.844
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.507.908.308	382.872.164	333.395.000	2.224.175.472
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	712.927.512	761.957.596	-	1.474.885.108
Số cuối kỳ	687.413.777	700.000.487	-	1.387.414.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 1.356.460.774 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2015.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	83.000.000	83.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	83.000.000	83.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	77.166.667	77.166.667
Khấu hao trong kỳ	4.999.998	4.999.998
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	82.166.665	82.166.665
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	5.833.333	5.833.333
Số cuối kỳ	833.335	833.335

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 53.000.000 đồng.
- Không có TSCĐ vô hình thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2015.

14. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP.HCM	934.308.392	519.723.372
Doanh nghiệp Tư nhân Hữu Minh	760.349.403	323.700.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	932.666.582	190.460.563
Công ty TNHH Sách Thiết bị Giáo dục Đức Trí	373.296.687	319.884.287
Các đối tượng khác	2.372.028.386	1.741.459.963
Cộng	5.372.649.450	3.095.228.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

Mối quan hệ		30/06/2015	31/12/2014
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư	171.047.235	203.656.380
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư	934.308.392	519.723.372
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	932.666.582	190.460.563
Các đối tượng khác	Chung Công ty đầu tư	240.008.338	201.353.020
Cộng		2.278.030.547	1.115.193.335

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	54.436.887	88.015.125	82.936.535	59.515.477
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.467.109	248.841.134	156.539.572	181.768.671
Thuế thu nhập cá nhân	76.143.923	50.676.087	115.383.400	11.436.610
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	29.644.200	29.644.200	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	220.047.919	422.176.546	389.503.707	252.720.758

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015	31/12/2014
Kinh phí công đoàn	7.021.580	-
Phải trả khác	806.000	3.481.000
Cộng	7.827.580	3.481.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	4.500.000.000	4.500.000.000	-
Cán bộ công nhân viên trong công ty	669.513.455	158.276.195	155.000.000	672.789.650
Cộng	669.513.455	4.658.276.195	4.655.000.000	672.789.650

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính [*]	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2014	11.000.000.000	112.410.011	309.851.091	1.166.165.669	1.075.885.094	13.664.311.865
Tăng trong năm	-	-	30.000.000	30.000.000	1.906.950.296	1.966.950.296
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.900.000.000	1.900.000.000
Số dư tại 31/12/2014	<u>11.000.000.000</u>	<u>112.410.011</u>	<u>339.851.091</u>	<u>1.196.165.669</u>	<u>1.082.835.390</u>	<u>13.731.262.161</u>
Số dư tại 01/01/2015	11.000.000.000	112.410.011	-	1.536.016.760	1.082.835.390	13.731.262.161
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	872.954.928	872.954.928
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	990.000.000	990.000.000
Số dư tại 30/06/2015	<u>11.000.000.000</u>	<u>112.410.011</u>	<u>-</u>	<u>1.536.016.760</u>	<u>965.790.318</u>	<u>13.614.217.089</u>

[*] Số dư Quỹ dự phòng tài chính cuối năm trước đã được chuyển sang “Quỹ Đầu tư Phát triển” theo quy định của TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2015	31/12/2014
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
Cộng	11.000.000.000	11.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	990.000.000	990.000.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2015 Cổ phiếu	31/12/2014 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

e. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 07/02/2015 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận thuần sau thuế năm 2014 là 14% vốn điều lệ, tương ứng 1.540.000.000 đồng. Theo đó, sau khi trừ cổ tức đã tạm ứng trong năm 2014 là 550.000.000 đồng, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức còn lại là 990.000.000 đồng trong 6 tháng đầu năm 2015.

f. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	30/06/2015	31/12/2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.082.835.390	1.075.885.094
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	872.954.928	1.906.950.296
Phân phối lợi nhuận	990.000.000	1.900.000.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	990.000.000	990.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	990.000.000	990.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	910.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	-	30.000.000
- Quỹ dự phòng tài chính	-	30.000.000
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	300.000.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	-	550.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	965.790.318	1.082.835.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 28/NQ-ĐHCD-2015 ngày 07/02/2015.

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Doanh thu bán sách giáo khoa	13.852.773.084	12.368.555.381
Doanh thu bán sách tham khảo	818.001.942	998.174.465
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	5.347.635.163	3.048.886.991
Doanh thu bán hàng hóa khác	3.229.163.345	2.815.853.373
Cộng	23.247.573.534	19.231.470.210

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Hàng bán bị trả lại	30.298.484	51.291.090
Cộng	30.298.484	51.291.090

21. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Giá vốn sách giáo khoa	12.137.371.565	10.926.510.066
Giá vốn sách tham khảo	547.538.564	677.861.816
Giá vốn thiết bị giáo dục	4.131.422.883	2.355.874.255
Giá vốn hàng hóa khác	2.538.100.441	2.176.062.023
Cộng	19.354.433.453	16.136.308.160

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	171.300.405	138.995.977
Chiết khấu thanh toán	118.987.651	53.739.405
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.000.000	-
Cộng	308.288.056	192.735.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí lãi vay	56.682.589	20.690.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	337.351.066	116.658.500
Cộng	394.033.655	137.348.500

24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân công	1.325.348.112	1.034.253.936
Các khoản khác	616.989.829	505.939.667
Cộng	1.942.337.941	1.540.193.603

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nhân công	329.786.223	203.092.242
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	81.079.000	82.130.000
Các khoản khác	282.911.977	244.833.439
Cộng	693.777.200	530.055.681

25. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chênh lệch thừa tiền bán hàng	3.113.583	3.686.927
Các khoản khác	2.040	964.325
Cộng	3.115.623	4.651.252

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	22.300.000	22.550.000
Các khoản khác	418	324.281
Cộng	22.300.418	22.874.281

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.121.796.062	1.010.785.529
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	9.300.000	27.873.396
- Điều chỉnh tăng	27.300.000	27.873.396
+ Chi phí không hợp lệ	5.000.000	5.323.396
+ Thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành	22.300.000	22.550.000
- Điều chỉnh giảm	18.000.000	-
- Cổ tức lợi nhuận được chia	18.000.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.131.096.062	1.038.658.925
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	248.841.134	228.504.964
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	248.841.134	228.504.964
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	872.954.928	782.280.565
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	872.954.928	782.280.565
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	794	711

(*) Lãi cơ bản được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích cụ thể. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đã đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	1.655.134.335	1.237.346.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	92.470.842	59.167.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	752.488.246	740.419.968
Chi phí khác bằng tiền	136.021.718	33.315.863
Cộng	2.636.115.141	2.070.249.284

30. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014	
Mua hàng			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách bổ trợ, sách tham khảo	9.792.773.584	8.098.021.972
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Sách bổ trợ, sách tham khảo	171.047.235	166.543.630
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Sách bổ trợ, sách tham khảo	1.131.178.986	882.980.475
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách bổ trợ, sách tham khảo	5.237.997.570	5.111.648.235
Thu hồi nợ cho vay			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Thu hồi tiền cho vay	3.000.000.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Thu hồi tiền cho vay	1.000.000.000	-
Thu lãi cho vay			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Thu lãi cho vay	60.000.100	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Thu lãi cho vay	17.500.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thu nhập Ban Giám đốc	202.092.395	166.455.807
- Giám đốc	73.142.086	61.531.728
- Phó Giám đốc	128.950.309	104.924.079
Thù lao Hội đồng quản trị	36.800.000	36.600.000

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Toàn bộ các khoản vay nợ của Công ty đều là vay nợ cán bộ công nhân viên Công ty với mức lãi suất thoả thuận và ổn định; Do đó, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro về biến động giá cả hàng hóa mua vào công ty đã ký kết các hợp đồng với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.
- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	5.372.649.450	-	5.372.649.450
Vay và nợ thuê tài chính	672.789.650	-	672.789.650
Cộng	6.045.439.100	-	6.045.439.100

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.095.228.185	-	3.095.228.185
Chi phí phải trả	44.000.000	-	44.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	669.513.455	-	669.513.455
Cộng	3.808.741.640	-	3.808.741.640

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

30/06/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.500.187.572	-	1.500.187.572
Đầu tư tài chính	-	300.000.000	300.000.000
Phải thu khách hàng	8.854.879.899	-	8.854.879.899
Phải thu về cho vay	911.073.890	182.099.240	1.093.173.130
Phải thu khác	70.219.167	-	70.219.167
Cộng	11.336.360.528	482.099.240,00	11.818.459.768

31/12/2014	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.087.739.283	-	5.087.739.283
Đầu tư tài chính	-	300.000.000	300.000.000
Phải thu khách hàng	3.843.732.994	-	3.843.732.994
Phải thu về cho vay	4.740.029.890	203.849.996	4.943.879.886
Phải thu khác	61.417.300	-	61.417.300
Cộng	13.732.919.467	503.849.996,00	14.236.769.463

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2014. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên báo cáo tài chính đã được trình bày lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với các quy định về lập báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Văn So

Nguyễn Khoa Tuyền

Nguyễn Khoa Tuyền

